

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST
Ngày 23 - 10 - 2019.
V/v “Tranh chấp kiện ly hôn,
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ – TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Duy.
Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và ông Trịnh Văn Chi.
- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lập - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Phạm Sỹ Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 169/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- * Nguyên đơn:** Chị Đinh Thị T, sinh năm 1990.
Nơi ĐKKHKT: Tổ 8, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.
Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam.
*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Tiến N, sinh năm 1978.
Địa chỉ: Số nhà 29, ngõ 241, đường B, tổ 8, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Phiên tòa có mặt chị T; anh N vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, các bản tự khai của các đương sự, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và trong quá trình xét xử thì nội dung vụ án như sau:

Chị Đinh Thị T và anh Nguyễn Tiến N kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/11/2014 tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Trước khi kết hôn vợ chồng có thời gian tự nguyện tìm hiểu và được gia đình hai bên có tổ chức cưới xin theo phong tục tập quán của địa phương. Vợ chồng sống

hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau và do anh N mắc tệ nạn xã hội nghiện ma túy, chị T và gia đình hai bên đã động viên khuyên bảo anh N đi cai nghiện nhiều lần nhưng không được. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không hàn gắn được nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2016 đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh Nguyễn Tiến N; anh Nguyễn Tiến N cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên nhất trí ly hôn với chị T.

Về con chung: Chị T và anh N cùng thống nhất có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Minh T1 (con gái), sinh ngày 01/7/2015, hiện nay cháu T1 đang do chị T nuôi dưỡng chăm sóc. Khi ly hôn, chị T và anh N cùng thống nhất: Giao chị T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T1 và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng không có. Hiện chị T không có thai nghén gì.

Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T và anh N cùng thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa hôm nay: Chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trước đó tại Tòa án. Về án phí ly hôn sơ thẩm chị T tự nguyện xin chịu toàn bộ.

* Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn như: thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục trong giai đoạn chuẩn bị xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đều đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và xem xét quan điểm, nguyện vọng của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 54, 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Đinh Thị T. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị T và anh Nguyễn Tiến N.

+ Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị T và anh N: Giao chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Minh T1 (con gái), sinh ngày 01/7/2015 cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Con nuôi, con riêng: Vợ chồng không có. Hiện chị T không có thai nghén gì.

+ Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T và anh N không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập.

+ Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T và anh N phải nộp theo quy định của pháp luật. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Tiến N có hộ khẩu thường trú và đang cư trú tại số nhà 29, ngõ 241, đường B, tổ 8, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Đinh Thị T và anh Nguyễn Tiến N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý.

[2] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị Đinh Thị T và anh Nguyễn Tiến N là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 19/11/2014 tại Ủy ban nhân dân phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam, nên đã thỏa mãn các điều kiện, trình tự thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 bảo vệ.

Sau kết hôn, vợ chồng chị T và anh N đã có một thời gian chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cách sống, quan điểm sống của hai bên không hợp nhau và do anh N mắc tệ nạn xã hội nghiện ma túy, chị T và gia đình hai bên đã động viên khuyên bảo anh N đi cai nghiện nhiều lần nhưng không được. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không hàn gắn được nên vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2016 đến nay. Thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã phân tích khuyên bảo chị T đoàn tụ, nhưng chị T vẫn cương quyết xin được ly hôn với anh N. Thực tế cho thấy chị T xin ly hôn thì anh N cũng đồng ý ly hôn càng chứng tỏ anh chị không còn tình cảm với nhau nữa. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, việc thuận tình ly hôn giữa chị T và anh N là hoàn toàn tự nguyện,

phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn như nguyện vọng của chị T và anh N.

[3] Về con chung: Chị T và anh N thống nhất có một con chung là cháu Nguyễn Ngọc Minh T1 (con gái), sinh ngày 01/7/2015, hiện nay cháu T1 đang do chị T nuôi dưỡng chăm sóc. Khi ly hôn, chị T và anh N cùng thống nhất: Giao chị T tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu T1 và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Xét thấy sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con chung giữa chị T và anh N là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận này của chị T và anh N.

- Con nuôi, con riêng: Vợ chồng thống nhất không có. Hiện nay chị T không có thai nghén gì.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T và anh N phải nộp theo quy định của pháp luật. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 54, 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị T và anh Nguyễn Tiến N.

[2] Về con chung: Giao chị Đinh Thị T được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc Minh T1 (con gái), sinh ngày 01/7/2015 cho đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Tiến N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Hai bên có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Không bên nào được cản trở quyền gặp gỡ, chăm sóc và thăm nom con chung.

[3] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị T và anh N không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T và anh N mỗi người phải nộp 150.000đ. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ. Chị T được đối trừ với 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2015/0002194 ngày 27/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Chị T đã nộp đủ.

[5] Về quyền kháng cáo bản án: Chị T có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- CQ THADS thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- UBND phường L, TP P, tỉnh Hà Nam;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Phạm Duy